

KẾ HOẠCH

**Cải thiện và nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)
tỉnh Cà Mau năm 2019**

**I. THỰC TRẠNG KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH (PCI) TỈNH CÀ MAU NĂM 2018**

Bảng 1: Kết quả xếp hạng PCI tỉnh Cà Mau giai đoạn 2006 - 2018

| Năm | Điểm số | Kết quả xếp hạng so với cả nước | Nhóm điều hành |
|------------|----------------|--|-----------------------|
| 2006 | 43,99 | 57 | Tương đối thấp |
| 2007 | 56,19 | 56 | Khá |
| 2008 | 58,64 | 18 | Khá |
| 2009 | 61,96 | 22 | Tốt |
| 2010 | 53,57 | 51 | Khá |
| 2011 | 59,43 | 32 | Khá |
| 2012 | 53,76 | 49 | Khá |
| 2013 | 53,8 | 56 | Tương đối thấp |
| 2014 | 53,22 | 58 | Thấp |
| 2015 | 54,40 | 59 | Tương đối thấp |
| 2016 | 56,36 | 54 | Trung bình |
| 2017 | 59,83 | 51 | Trung bình |
| 2018 | 61,73 | 49 | Trung bình |

Nguồn: Trích báo cáo PCI giai đoạn 2006 - 2018 của VCCI

Theo kết quả công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Cà Mau năm 2018 đạt 61,73 điểm (tăng 1,9 điểm so với năm 2017), xếp thứ 49/63 tỉnh, thành trong cả nước (tăng 2 hạng so với năm 2017), nằm trong các tỉnh, thành phố thuộc nhóm trung bình, xếp thứ 13/13 tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Bảng 2: So sánh xếp hạng, điểm số các chỉ số thành phần của tỉnh Cà Mau và điểm trung vị cả nước qua 2 năm 2017 - 2018

| TT | Chỉ số thành phần | Điểm số | | Điểm trung vị năm 2018 | Phân nhóm chỉ số thành phần của PCI | Xếp hạng | | So sánh xếp hạng năm 2018 so với năm 2017 |
|----|---|---------|------|------------------------|---|----------|-------|---|
| | | 2017 | 2018 | | | 2017 | 2018 | |
| 1 | Chi phí không chính thức | 6,42 | 5,9 | 6,04 | Nhóm Chỉ số thấp hơn điểm trung vị cả nước và giảm điểm so với năm 2017 | 8/63 | 37/63 | - 29 |
| 2 | Tiếp cận đất đai | 6,19 | 6,12 | 6,6 | | 39/63 | 52/63 | - 13 |
| 3 | Thiết chế pháp lý | 5,45 | 5,44 | 6,21 | | 49/63 | 59/63 | -10 |
| 4 | Đào tạo lao động | 5,09 | 5,28 | 6,34 | Nhóm Chỉ số thấp hơn điểm trung vị cả nước, tăng điểm so với năm 2017 | 63/63 | 58/63 | + 5 |
| 5 | Tính năng động | 5,21 | 5,24 | 5,55 | | 43/63 | 53/63 | - 10 |
| 6 | Tính minh bạch | 5,81 | 6,4 | 6,25 | Nhóm Chỉ số tăng điểm so với năm 2017 và cao hơn điểm trung vị cả nước | 56/63 | 22/63 | +34 |
| 7 | Chi phí gia nhập thị trường | 7,97 | 8,2 | 7,43 | | 23/63 | 4/63 | +19 |
| 8 | Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước | 7,01 | 7,33 | 6,94 | | 21/63 | 17/63 | +4 |
| 9 | Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp | 6,3 | 6,6 | 6,43 | | 43/63 | 24/63 | + 19 |
| 10 | Cạnh tranh bình đẳng | 6,17 | 6,23 | 5,68 | | 8/63 | 18/63 | - 10 |

Nguồn: Báo cáo PCI 2017 - 2018 của VCCI

Kết quả PCI tỉnh Cà Mau năm 2018, có 05/10 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2017 và cao hơn điểm trung vị cả nước, gồm các chỉ số: Tính minh bạch, Chi phí gia nhập thị trường, Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, Cạnh tranh bình đẳng. Trong đó, Chi phí gia nhập thị trường là chỉ số có điểm số và xếp hạng cao nhất (4/63) trong 10 chỉ số thành phần PCI; Chỉ số Tính minh bạch (xếp hạng 22/63) tăng 34 hạng và Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (xếp hạng 24/63) tăng 19 hạng so với năm 2017. Kết quả này đã ghi nhận những nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành của tỉnh trong công tác cải thiện và nâng cao PCI của tỉnh Cà Mau trong thời gian qua.

Tuy nhiên, phân tích tại Bảng 2, cho thấy kết quả PCI của tỉnh Cà Mau năm 2018 còn 05/10 chỉ số thành phần thấp hơn điểm trung vị cả nước gồm các chỉ số: Chi phí không chính thức, Tiếp cận đất đai, Thiết chế pháp lý, Đào tạo lao động, Tính năng động. Đây là nhóm các chỉ số thành phần các cấp, các ngành cần quan tâm đặc biệt và tích cực cải thiện trong năm 2019.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) TỈNH CÀ MAU NĂM 2018

1. Kết quả đạt được

Năm 2018, có 05 chỉ số thành phần có điểm số tăng so với năm 2017 và cao hơn điểm trung vị so với cả nước, gồm các chỉ số:

- Tính minh bạch: gồm 12 chỉ tiêu, trong đó có 2/12 chỉ tiêu chuyển biến tích cực và 10/12 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Chi phí gia nhập thị trường: gồm 10 chỉ tiêu, trong đó có 10/10 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước: gồm 11 chỉ tiêu, trong đó có 4/10 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 7/10 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước

- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: gồm 24 chỉ tiêu, trong đó có 13/24 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 11/24 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Cạnh tranh bình đẳng, gồm 14 chỉ tiêu, trong đó có 3/14 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 11/14 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

2. Những hạn chế

Bên cạnh 5/10 chỉ số tăng điểm và cao hơn điểm trung vị so với cả nước, còn lại 5/10 chỉ số thành phần PCI năm 2018 thấp hơn so với điểm trung vị cả nước. Cụ thể có 2 nhóm:

a) Nhóm Chỉ số thành phần năm 2018 thấp hơn điểm trung vị cả nước và giảm điểm so với năm 2017, gồm 3 chỉ số:

- Chi phí không chính thức, gồm 9 chỉ tiêu, trong đó có 5/9 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 4/9 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Tiếp cận đất đai, gồm 11 chỉ tiêu, trong đó có 7/11 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 4/11 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Thiết chế pháp lý, gồm 17 chỉ tiêu đánh giá, trong đó có 10/17 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 7/17 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

b) Nhóm chỉ số thành phần năm 2018 thấp hơn điểm trung vị cả nước và tăng điểm so với năm 2017, gồm 2 chỉ số:

- Đào tạo lao động: gồm 11 chỉ tiêu, trong đó có 8/11 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 3/11 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

- Tính năng động: gồm 9 chỉ tiêu, trong đó có 6/9 chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực và 3/9 chỉ tiêu chuyển biến tích cực so với điểm số trung bình cả nước.

(Chi tiết đánh giá như Phụ lục 1 gửi kèm Báo cáo này).

Qua phân tích kết quả PCI của tỉnh Cà Mau năm 2018 cho thấy bên cạnh kết quả đạt được, công tác cải thiện PCI của tỉnh vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức. Tốc độ cải thiện PCI của tỉnh Cà Mau vẫn còn chậm so với các tỉnh, thành phố cả nước nói chung và so với các tỉnh, thành phố khu vực ĐBSCL nói riêng, điểm số các chỉ tiêu, chỉ số thành phần luôn biến động, tăng không bền vững. Đòi hỏi các cấp, các ngành cần năng động tìm ra những giải pháp mang tính đột phá để tiếp tục cải thiện PCI năm 2019.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tính năng động của các cơ quan, đơn vị trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Tập trung cải thiện mạnh các chỉ số thành phần năm 2018 có điểm số thấp hơn điểm số trung bình cả nước. Tiếp tục duy trì và cải thiện 05 chỉ số thành phần có điểm số tăng và cao hơn điểm số trung vị cả nước. Phần đầu năm 2019 cải thiện trên 50% các chỉ số thành phần đạt điểm số cao hơn điểm số trung bình cả nước và năm 2019 tiếp tục tăng hạng và đưa PCI của tỉnh Cà Mau được xếp vào nhóm từ trung bình trở lên so với các tỉnh, thành phố của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tính minh bạch: phần đầu cải thiện trên 1/2 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 50%.
- Chi phí gia nhập thị trường: phần đầu tiếp tục cải thiện và duy trì 100% các chỉ tiêu có chuyển biến tích cực.
- Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước: phần đầu cải thiện trên 2/4 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 50%.
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: phần đầu cải thiện trên 4/13 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 30%.
- Cạnh tranh bình đẳng: phần đầu cải thiện trên 2/3 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 60%.
- Chi phí không chính thức: phần đầu cải thiện 3/5 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 60%.
- Tiếp cận đất đai: phần đầu cải thiện 4/7 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt trên 50%.
- Thiết chế pháp lý: phần đầu cải thiện trên 4/10 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 40%.
- Đào tạo lao động: phần đầu cải thiện trên 4/8 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 50%.
- Tính năng động: phần đầu cải thiện trên 3/6 chỉ tiêu còn chuyển biến tiêu cực, đạt từ trên 50%.

IV. GIẢI PHÁP CẢI THIỆN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2019

1. Nhóm chỉ số ưu tiên tập trung cải thiện ngay, gồm 5 chỉ số:

1.1. Đào tạo lao động

- *Đơn vị đầu mối:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nội dung thực hiện:

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Đơn giản TTHC ở cả 3 cấp có liên quan đến quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC so với quy định.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động. Tăng cường mở rộng ngành nghề, số lượng và hiệu quả đào tạo theo yêu cầu sử dụng lao động của cả 3 trình độ: Cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề đáp ứng nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp, chú trọng các ngành nghề trọng điểm gắn với nhu cầu sử dụng nhiều lao động trên địa bàn tỉnh.

Rà soát nhu cầu lao động về lĩnh vực nông nghiệp, du lịch để xây dựng Kế hoạch đào tạo đáp ứng yêu cầu lao động của doanh nghiệp, của tỉnh trong thời gian tới để phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển mạnh các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với lao động của tỉnh; khảo sát thông tin về nhu cầu đào tạo, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức các phiên giao dịch giới thiệu việc làm, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm, chất lượng hệ thống dữ liệu việc tìm người và người tìm việc, tạo điều kiện hấp dẫn các doanh nghiệp tham gia tư vấn tuyển dụng lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Tổ chức các khóa đào tạo các ngành nghề mang tính đặc thù của nhiều doanh nghiệp tại địa phương như: các ngành nghề chế biến, sản xuất, dịch vụ... và tổ chức tọa đàm, đối thoại gặp gỡ trực tiếp để tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp, kịp thời trao đổi, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp về lao động.

Công bố, niêm yết thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trên trang Website của Trung tâm Dịch vụ việc làm, tạo điều kiện để lao động tự tra cứu tìm việc không cần phải mất thời gian đi lại. Phối hợp với Tỉnh đoàn và các đơn vị có liên quan thực hiện các hoạt động tổ chức ngày hội việc làm, duy trì đổi mới hình thức hoạt động sàn giao dịch việc làm, thực hiện tốt công tác kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động.

1.2. Tính năng động

- Đơn vị đầu mối: Sở Nội vụ.

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh:

+ Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác đối thoại với doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực doanh nghiệp, nhà đầu tư còn gặp khó khăn, vướng mắc; chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ chuyển đổi loại hình hộ kinh doanh lên thành doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

+ Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm giải quyết TTHC tỉnh. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo chính sách của Trung ương, có những sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

+ Tăng cường chỉ đạo Hiệp hội doanh nghiệp nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của đơn vị là cầu nối hiệu quả trong tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trên ngành, lĩnh vực phụ trách để báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan có giải pháp tháo gỡ kịp thời.

+ Kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách pháp lý không phù hợp, gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; chỉ đạo rà soát thường xuyên, hoàn thiện các quy trình, loại bỏ các thủ tục hành chính chồng chéo, phức tạp, hết hiệu lực thi hành. Tăng cường trao đổi với cơ quan Trung ương để được hướng dẫn thực hiện các văn bản mới ban hành có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

+ Tập trung bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

+ Nâng cao chất lượng chỉ đạo, giám sát và vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các chủ trương, chính sách pháp luật nhà nước, Kế hoạch, Chương trình hành động của tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương. Tổ chức đối thoại và nâng cao chất lượng tổ chức đối thoại với công dân và doanh nghiệp về TTHC. Nâng cao trách nhiệm trong công tác phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cấp, các ngành trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

+ Quán triệt đến các đơn vị, bộ phận trực thuộc, cán bộ, công chức, viên chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm, văn hóa ứng xử trong thực thi công vụ góp phần cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Cà Mau theo nhiệm vụ được giao.

1.3. Tiếp cận đất đai

- *Đơn vị đầu mối:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung thực hiện:

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan:

Thường xuyên rà soát, hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thành thủ tục hành chính về đất đai, như: giao đất, cho thuê đất, ký Hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan thực hiện kịp thời, đúng thời gian quy định theo Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh (đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018). Công khai và triển khai thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá đất định kỳ 5 năm 2020 - 2024 đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương và đúng thời gian quy định. Kịp thời đề nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất khi có biến động lớn theo quy định của Luật đất đai.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng đất của các tổ chức, doanh nghiệp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở để doanh nghiệp sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn, không để xảy ra việc doanh nghiệp bị thu hồi đất do vi phạm quy định của Luật đất đai.

Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất), là cơ sở pháp lý để doanh nghiệp xác lập thủ tục giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhằm thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thường xuyên trao đổi, phối hợp với các chủ đầu tư và UBND các huyện, thành phố để tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án.

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã chấm dứt ngay việc cho thuê, cho mượn các khu đất, thửa đất không đúng thẩm quyền; đồng thời tập trung xử lý các khu đất công đang bị lấn chiếm, tranh chấp, nhằm tạo quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất.

1.4. Thiết chế pháp lý

- Đơn vị đầu mối: Tòa án nhân dân tỉnh.

- Đơn vị chịu trách nhiệm chính về các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm: Tòa án nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Công an tỉnh.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh tăng cường công tác chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, nhà đầu tư trong hướng dẫn và thực hiện các TTHC về đăng ký doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Thanh tra tỉnh phối hợp với đơn vị có liên quan tiếp tục tạo cơ chế thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại các hành vi tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm của một số bộ phận thuộc cơ quan, đơn vị trong thực thi công vụ đối với doanh nghiệp.

Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị có liên quan xây dựng chương trình phối hợp để nâng cao chất lượng thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Tòa án tỉnh phối hợp với đơn vị có liên quan rà soát, có kế hoạch đẩy nhanh tiến độ giải quyết những vụ án kinh doanh thương mại và các tranh chấp khác có liên quan đến doanh nghiệp đảm bảo đúng pháp luật, giải quyết nhanh chóng, công bằng, tạo niềm tin cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp lựa chọn tòa án hoặc trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm công chức gây những nhiễu gây phát sinh các chi phí không chính thức trong thực thi công vụ; đảm bảo về tỷ lệ giải quyết án kinh doanh thương mại đạt trên 85%. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Tòa án hai cấp để giảm bớt thời gian giải quyết những công việc trong tố tụng, hạn chế tối đa thời gian đi lại của những người tham gia tố tụng tại Tòa án, nâng cao chất lượng hiệu quả ứng dụng để người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin giải quyết vụ việc trên Trang Thông tin điện tử của Tòa án tỉnh mà không cần trực tiếp đến Tòa án.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan đẩy mạnh rà soát, giải quyết hồ sơ thi hành án có đủ điều kiện thi hành và tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài.

Công an tỉnh tiếp tục tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; tập trung quyết liệt công tác bảo vệ an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, tấn công, trấn áp các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là băng nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức, côn đồ, “bảo kê” doanh nghiệp, hoạt động liên quan đến “tín dụng đen”, tội phạm cướp giật, trộm cắp tài sản, các hành vi gây mất trật tự công cộng, các điểm, tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự tại địa bàn có

doanh nghiệp; chỉ đạo lực lượng điều tra, khám phá các vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại các doanh nghiệp; phối hợp hỗ trợ, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp trong việc đảm bảo an ninh trật tự.

1.5. Chi phí không chính thức

- **Đơn vị đầu mối:** Thanh tra tỉnh.

- **Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này:** Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Tòa án nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng vị trí việc làm gây khó khăn đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan về tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với công chức, viên chức trong giải quyết TTHC có liên quan đất đai đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư; kiểm tra, xử lý nghiêm đối với công chức, viên chức những nhiều, tự đặt ra các khoản chi phí không chính thức trong thực thi công vụ.

Tòa án tỉnh nâng cao chất lượng trong công tác xét xử, giải quyết các loại án; đảm bảo phán quyết của Tòa án phải đúng pháp luật, đảm bảo công lý, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt tập trung triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm đưa ra giải quyết, xét xử các loại vụ việc đang tạm đình chỉ, quá hạn luật định; nghiên cứu và phát huy hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 25/2/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về phòng, chống tham nhũng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Luật Đấu thầu, Luật Khiếu nại tố cáo, Luật Thanh tra, Luật phòng, chống tham nhũng; tăng cường tổ chức đấu thầu qua mạng, công khai minh bạch trong công tác đấu thầu. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về đấu thầu; theo dõi, xử lý tình trạng những nhiều của cán bộ, công chức và thái độ xử lý công việc chậm trễ, thiếu trách nhiệm.

2. Đối với nhóm cần duy trì, phát huy thêm, gồm 5 chỉ số

2.1. Tính minh bạch

- **Đơn vị đầu mối:** Văn phòng UBND tỉnh.

- **Đơn vị chịu trách nhiệm chính về các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm:** Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản, Cục Thuế tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng độ mở của Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, các tài liệu quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, tài liệu pháp lý, tài liệu ngân sách, quy trình và các TTHC, phí và lệ phí theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của các đơn vị trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử thành phần theo hướng giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ tiếp cận, đảm bảo hoàn thành trong tháng 8 năm 2019. Giao Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp theo dõi tình hình thực hiện của các sở, ngành, đơn vị và rà soát thực trạng hoạt động đối thoại trên địa bàn tỉnh để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về kết quả thực hiện và giải pháp tổ chức đối thoại, giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

+ Tiếp tục đẩy mạnh triển thực hiện có hiệu quả lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau năm 2015 và đến năm 2020 theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh.

+ Tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động thường xuyên chuyên mục Trao đổi - hỏi đáp đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị đảm bảo trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý và phối hợp xử lý kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Sở Tư pháp phối hợp với các đơn vị có liên quan nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về xây dựng, kiểm tra, rà soát, theo dõi công tác thi hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công khai đồng bộ các tài liệu pháp lý có liên quan chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị.

Cục Thuế thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với công chức có quan hệ trực tiếp với người nộp thuế, xử lý nghiêm công chức sai phạm trong thực thi công vụ. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin, quy trình, hồ sơ và thủ tục có liên quan đến thuế giúp doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ tiếp cận, nắm bắt kịp thời.

Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân Trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản và các Hội ngành nghề khác có liên quan tích cực tham gia xây dựng và phản biện các chính sách của tỉnh, nâng cao chất lượng hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp; Triển khai nhân rộng một số mô hình có hiệu quả về tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của đội ngũ doanh nhân đến cơ quan có thẩm quyền để có giải pháp tháo gỡ kịp thời.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan nâng cao trách nhiệm trong công tác tiếp nhận và xử lý thông tin, văn bản từ doanh nghiệp, nhà đầu tư, đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả; đảm bảo công khai minh bạch đầy đủ thông tin trong công tác mời thầu.

2.2. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

- *Đơn vị đầu mối:* Sở Công Thương.

- *Đơn vị chịu trách nhiệm chính các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm:* Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức hiệu quả các hoạt động được giao theo Chương trình xúc tiến Thương mại, Du lịch, Đầu tư và Hợp tác hữu nghị nước ngoài tỉnh Cà Mau năm 2019 theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 và Chương trình Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư trong nước tỉnh Cà Mau năm 2019 tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh; Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về Hội nhập quốc tế tỉnh Cà Mau năm 2019. Chủ động, tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn các doanh nghiệp, đầu tư, phát triển các nhà máy điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp đã được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện dự án đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện mở các khóa đào tạo phổ biến pháp luật, hỗ trợ pháp lý có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến 2020; thực hiện tốt nhiệm vụ kết nối cung cầu và tư vấn chuyển giao công nghệ, cử cán bộ làm đầu mối kết nối cung cầu công nghệ cho doanh nghiệp, quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi, đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, tiếp cận các dịch vụ khoa học và công nghệ; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản, pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn về thẩm định và chuyển giao công nghệ và nâng cao kiến thức quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên phụ trách khoa học công nghệ... và tổ chức hội thảo kết nối cung cầu công nghệ; tạo điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ có liên quan đến công nghệ.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố:

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh về Hội nhập quốc tế tỉnh Cà Mau năm 2019.

Triển khai có hiệu quả đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư tại đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị để tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các thông tin về cơ chế, chính sách của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thành lập các tổ chức kinh tế cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.

2.3. Chi phí gia nhập thị trường

- **Đơn vị đầu mối:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm:** Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan:

- Nội dung thực hiện:

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan đơn giản hóa TTHC trong đăng ký và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (phần đầu thực hiện rút ngắn còn 2 ngày làm việc hoặc tối đa là 3 ngày làm việc theo quy định). Tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo phương thức mới (trực tuyến hoặc thông qua Bưu điện).

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết và đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đến doanh nghiệp.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan:

+ Công bố 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị phải được niêm yết, công khai đúng quy định và đăng tải đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các đơn vị. Tiếp tục thực hiện rút ngắn 20 - 30% thời gian thực hiện các TTHC thường xuyên giải quyết có liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư.

+ Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức có đủ năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình, thân thiện thực hiện công tác giải quyết TTHC. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC, đặc biệt là các TTHC có liên quan doanh nghiệp, nhà đầu tư; thực hiện nghiêm túc về việc xin lỗi tổ chức, cá nhân bằng văn bản trong việc chậm trễ trong giải quyết TTHC.

+ Phối hợp, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai ứng dụng Zalo trong giải quyết TTHC theo Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh.

2.4. Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước

- **Đơn vị đầu mối:** Văn phòng UBND tỉnh.

- **Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này gồm:** Thanh tra tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, đúng quy định và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thanh tra, kiểm tra tránh nội dung trùng lặp tại doanh nghiệp. Công tác kiểm tra doanh nghiệp không quá 1 lần/năm theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Cục Thuế phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, cắt giảm thời gian thanh tra, kiểm tra thuế tại doanh nghiệp.

Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức các khóa bồi dưỡng về nâng cao kỹ năng giao tiếp, đạo đức công vụ cho công chức, viên chức tiếp xúc thường xuyên với doanh nghiệp, nhà đầu tư (đặc biệt là công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan:

+ Tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính và hệ thống quản lý chất lượng ISO trong cải cách hành chính; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4, đảm bảo công khai đầy đủ đúng qui định tất cả các phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng giúp doanh nghiệp dễ tiếp cận.

+ Triển khai và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp theo Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ.

+ Nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của Tổ công tác liên ngành giải quyết các vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh.

1.5. Cạnh tranh bình đẳng

- **Đơn vị đầu mối:** Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Đơn vị chịu trách nhiệm chính và đánh giá các chỉ tiêu được giao thuộc chỉ số thành phần này:** Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Cà Mau.

- Nội dung thực hiện:

Văn phòng UBND tỉnh:

+ Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố và đơn vị có liên quan nâng cao trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả trong thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về triển khai Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Tăng cường chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, cập nhật, công khai, minh bạch các chủ trương, dự án kêu gọi đầu tư, các chính sách ưu đãi đầu tư trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (không phân biệt loại hình doanh nghiệp) trong hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

+ Chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện xét duyệt hồ sơ đấu giá, đấu thầu đảm bảo khách quan, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tích cực tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, không phân biệt, đối xử trong giải quyết công việc giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước trong tiếp cận các cơ hội đầu tư, chế độ chính sách ưu đãi, thủ tục hành chính và thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, đối xử bình đẳng đối với các loại hình doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin về đất đai.

Cục Thuế tỉnh phối hợp các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các loại hình doanh nghiệp đều được thụ hưởng miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật, không phân biệt ưu đãi thuế đối với từng loại hình doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm Quyết định 2181/QĐ-TCT của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuế về quy định tiêu chuẩn văn hóa công sở và đạo đức công chức, viên chức ngành thuế, nhất là đối với công chức, viên chức có quan hệ làm việc trực tiếp với người nộp thuế.

Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau phối hợp các đơn vị có liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp tiếp cận với các khoản tín dụng, đặc biệt là các DNNVV trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần, các đơn vị được phân công chịu trách nhiệm chính, đánh giá tại Bảng phân công của **Phụ lục 2** phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, nghiên cứu xây dựng Kế hoạch của đơn vị

mình với những giải pháp chi tiết, cụ thể, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong tổ chức triển khai thực hiện. Trong Kế hoạch chi tiết cần xác định rõ chỉ tiêu được giao, đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cụ thể đối với các chỉ tiêu (nhóm chỉ tiêu), phân công rõ đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện, bộ phận đầu mối theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá. Kế hoạch của các đơn vị gửi về đơn vị đầu mối chỉ số thành phần phụ trách nhóm chỉ tiêu của đơn vị mình (*đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư*) để theo dõi **trước ngày 30/8/2019**; báo cáo kết quả cụ thể tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp được giao tại phụ lục 2 gửi về đơn vị đầu mối chỉ số thành phần tổng hợp, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 25/12/2019**.

2. Các đơn vị làm đầu mối các chỉ số thành phần theo **Phụ lục 1** có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị được phân công chịu trách nhiệm chính về cải thiện các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần của đơn vị làm đầu mối, tổng hợp và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chỉ số thành phần được giao đầu mối gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 31/12/2019** để tổng hợp, đánh giá chung về kết quả triển khai thực hiện công tác cải thiện PCI tỉnh Cà Mau năm 2019.

3. Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch và báo cáo phân tích, đánh giá kết quả PCI tỉnh Cà Mau năm 2019 sau khi VCCI công bố kết quả để báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị được phân công cải thiện PCI tỉnh Cà Mau năm 2019, tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch, đặc biệt các đơn vị chịu trách nhiệm chính thuộc nhóm 05 chỉ số thành phần có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị cả nước theo mục 1, Phụ lục 1; chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị báo cáo đánh giá công tác cải thiện PCI của tỉnh năm 2019 sau khi VCCI công bố kết quả.

5. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan theo dõi, giám sát hoạt động giải quyết công việc của cán bộ, công chức liên quan đến doanh nghiệp để báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng quý; đồng thời, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương để đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

6. Các Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản và các Hiệp Hội nghề nghiệp khác có liên quan nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động theo tôn chỉ mục đích của Hội và nhiệm vụ được giao, thường xuyên tổng hợp các vấn đề của doanh nghiệp để phản ánh, kiến nghị chính quyền tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực hợp tác với chính quyền và các cơ quan ở địa phương để góp phần cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh.

7. Các cơ quan Báo, Đài phối hợp với các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về công tác cải cách hành chính, công tác cải thiện và nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh về cải thiện và nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Cà Mau năm 2018. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi bổ sung, các đơn vị có liên quan tổng hợp, phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

(Kèm theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02)./.

Nơi nhận:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các cơ quan ngành tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Hội, Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KT;
- Lưu: VT. Tr 39/8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



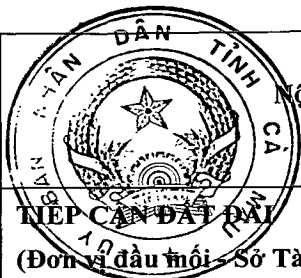
Lâm Văn Bi



Phụ lục 01
Bảng phân công đơn vị đầu mối, đơn vị thực hiện cải thiện PCI tỉnh Cà Mau năm 2019
(Kèm theo Kế hoạch số 106 /KH-UBND ngày 14 /8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

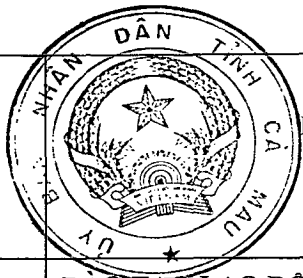
1. Nhóm 05 chỉ số thành phần năm 2018 thấp hơn điểm trung vị cả nước

| TT | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|--|-----------------------|---------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | |
| I | CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC (Đơn vị đầu mối - Thanh tra tỉnh) | 6,42 (8/63) | > | | 5,9 (37/63) | < | | |
| 1 | % DN cho rằng các DN cùng ngành thường trả chi phí không chính thức (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 54% | < | Tích cực | 54% | < | Tích cực | Thanh tra tỉnh |
| 2 | Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý) | 85% | > | Tích cực | 79% | < | Tiêu cực | |
| 3 | % DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức | 7% | < | Tích cực | 11% | > | Tiêu cực | |
| 4 | Những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý) | 60% | < | Tích cực | 63% | > | Tiêu cực | |
| 5 | Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (%thường xuyên hoặc luôn luôn) | 55% | < | Tiêu cực | 56% | < | Tiêu cực | |
| 6 | Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%) | 36% | < | Tích cực | 29% | < | Tích cực | |
| 7 | Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%) | 31% | < | Tích cực | 26% | < | Tích cực | Sở Tài nguyên Môi trường |
| 8 | Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý) | 52% | < | Tích cực | 38% | < | Tích cực | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan |
| 9 | DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%) | 18% | < | Tích cực | 36% | > | Tiêu cực | Tòa án nhân dân tỉnh |




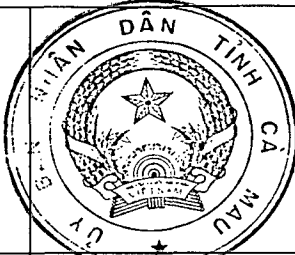
Nội dung chỉ số thành phần

| | | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|--|--------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| II | TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI (Đơn vị đầu mối: Sở Tài nguyên và Môi trường) | 6,19 (39/63) | < | | 6,12 (52/63) | < | | |
| 1 | % DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. | 62% | > | Tích cực | 49% | > | Tích cực | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 2 | Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý). | 78% | = | Tích cực | 82% | > | Tích cực | |
| 3 | % DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục. | 19% | < | Tiêu cực | 21% | < | Tiêu cực | |
| 4 | Không có GCNQSDĐ do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu. | 17% | > | Tiêu cực | 8% | < | Tích cực | |
| 5 | DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp) | 1,47 | < | Tiêu cực | 1,58 | < | Tiêu cực | |
| 6 | Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên) | 31% | > | Tích cực | 25% | < | Tiêu cực | |
| 7 | DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý) | 24% | < | Tiêu cực | 40% | < | Tiêu cực | |
| 8 | Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị) | 15 | < | Tích cực | 30 | = | Tích cực | |
| 9 | Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%) | 28% | < | Tích cực | 44% | > | Tiêu cực | |
| 10 | Giải phóng mặt bằng chậm (%) | 23% | > | Tiêu cực | 22% | > | Tiêu cực | |
| 11 | Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%) | 17% | > | Tiêu cực | 22% | > | Tiêu cực | |



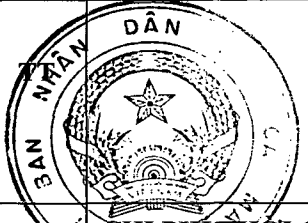
| TT | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|-----|--|--------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| III | ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG (Đơn vị đầu mối - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) | 5,09 (63/63) | < | | 5,28 (58/63) | < | | |
| 1 | Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt) | 57% | < | Tiêu cực | 59% | > | Tích cực | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt) | 30% | < | Tiêu cực | 39% | > | Tích cực | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 3 | Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN) | 86% | < | Tiêu cực | 88% | < | Tiêu cực | |
| 4 | Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%) | 47% | < | Tiêu cực | 39% | < | Tiêu cực | |
| 5 | % tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động. | 3,87% | < | Tích cực | 5,55% | > | Tiêu cực | |
| 6 | DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân (%) | 46% | < | Tiêu cực | 42% | < | Tiêu cực | |
| 7 | Tỉ lệ người lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐT BXH) | 2% | < | Tiêu cực | 3% | < | Tiêu cực | |
| 8 | Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động %(BLĐT BXH) | 3% | < | Tiêu cực | 5% | < | Tiêu cực | |
| 9 | DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%) | 52% | < | Tiêu cực | 41% | < | Tiêu cực | |
| 10 | DN có ý định sẽ sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%) | 31% | < | Tiêu cực | 75% | > | Tích cực | |
| 11 | % tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động | 4,42% | > | Tiêu cực | 5,33% | > | Tiêu cực | |

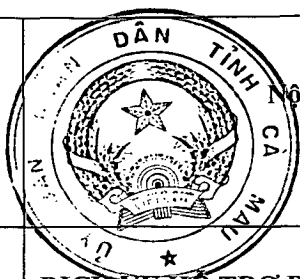
| TT |  Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|---|--------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| IV | THIẾT CHẾ PHÁP LÝ (Đơn vị đầu mối - Tòa án nhân dân tỉnh) | 5,45 (49/63) | < | | 5,44 (59/63) | < | | |
| 1 | Hệ thống tư pháp cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% luôn luôn hoặc thường xuyên) | 33% | > | Tích cực | 34% | > | Tích cực | Thanh tra tỉnh |
| 2 | Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%) | 33% | < | Tiêu cực | 37% | > | Tích cực | |
| 3 | Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng (% đồng ý) | 75% | > | Tích cực | 64% | < | Tiêu cực | Văn phòng UBND tỉnh |
| 4 | Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC) | 66% | < | Tiêu cực | 67% | > | Tích cực | Tòa án nhân dân tỉnh |
| 5 | Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý) | 83% | < | Tiêu cực | 80% | < | Tiêu cực | |
| 6 | Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 84% | < | Tiêu cực | 84% | < | Tiêu cực | |
| 7 | Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 64% | < | Tiêu cực | 59% | < | Tiêu cực | |
| 8 | Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý). | 84% | > | Tích cực | 79% | < | Tiêu cực | |
| 9 | Doanh nghiệp sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (%) | 45% | > | Tích cực | 46% | > | Tích cực | |
| 10 | Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 81% | > | Tích cực | 71% | < | Tiêu cực | |
| 11 | Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh không thuộc nhà nước trên tổng nguyên đơn tại Toà án kinh tế cấp tỉnh | 100% | > | Tích cực | 88% | > | Tích cực | |
| 12 | Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. (TATC) | 1,16 | > | Tiêu cực | 1,4 | < | Tích cực | |
| 13 | Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 68% | = | Tích cực | 63% | < | Tiêu cực | |
| 14 | Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%) | 1% | < | Tích cực | 0% | < | Tích cực | Công an tỉnh |
| 15 | Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%) | 44% | < | Tiêu cực | 46% | < | Tiêu cực | |
| 16 | Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%) | 27% | > | Tiêu cực | 25% | > | Tiêu cực | |
| 17 | CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%) | 63% | < | Tiêu cực | 59% | < | Tiêu cực | |

| TT |  Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|--|--------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------|---|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| V | TÍNH NĂNG ĐỘNG (Đơn vị đầu mối - Sở Nội vụ) | 5,21 (43/63) | < | | 5,24 (53/63) | < | | |
| 1 | UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 65% | < | Tiêu cực | 76% | = | Tích cực | Văn phòng UBND tỉnh |
| 2 | UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 64% | > | Tích cực | 59% | < | Tiêu cực | |
| 3 | Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực). | 35% | < | Tiêu cực | 34% | < | Tiêu cực | |
| 4 | Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” hoặc “không làm gì” (% lựa chọn) | 37% | > | Tiêu cực | 42% | > | Tiêu cực | |
| 5 | Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 59% | = | Tích cực | 68% | > | Tiêu cực | UBND các huyện, thành phố |
| 6 | Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 74% | < | Tích cực | 85% | > | Tiêu cực | Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố |
| 7 | Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%) | 73% | > | Tích cực | 69% | > | Tích cực | |
| 8 | DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%) | 89% | < | Tiêu cực | 100% | > | Tích cực | |
| 9 | Ti lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%) | 79% | > | Tích cực | 74% | < | Tiêu cực | |

2. Nhóm 05 chỉ số thành phần năm 2018 cao hơn điểm trung vị cả nước và tăng điểm so với năm 2017

| TT | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|---|--------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | |
| VI | CHỈ SỐ GIÁ NHẬP THỊ TRƯỜNG (Đơn vị đầu mối - Sở Kế hoạch và Đầu tư) | 7,97 (23/63) | > | | 8,2 (4/63) | > | | |
| 1 | Thời gian đăng ký doanh nghiệp (ngày) | 7 | > | Tiêu cực | 5 | = | Tích cực | Sở kế hoạch và Đầu tư |
| 2 | Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (ngày) | 3 | < | Tích cực | 4,5 | = | Tích cực | |
| 3 | Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện) (%) | 22% | > | Tích cực | 19% | > | Tích cực | |
| 4 | Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý) | 94% | > | Tích cực | 89% | > | Tích cực | |
| 5 | Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý) | 83% | > | Tích cực | 89% | > | Tích cực | |
| 6 | Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý) | 71% | < | Tiêu cực | 92% | > | Tích cực | |
| 7 | Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý) | 76% | > | Tích cực | 76% | > | Tích cực | |
| 8 | % DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động | 10% | < | Tích cực | 13% | < | Tích cực | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố |
| 9 | % DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động | 7% | > | Tiêu cực | 3% | = | Tích cực | |
| 10 | Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý) | 60% | = | Tích cực | 59% | > | Tích cực | Sở Thông tin và Truyền thông |

|  Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|--|-------------------------------|---------------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---|
| | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | |
| VII CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC (Đơn vị đầu mối - Văn phòng UBND tỉnh) | 7,01 (21/63) | > | | 7,33 (17/63) | > | | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố và các đơn vị có liên quan |
| 1 Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 52% | = | Tích cực | 54% | < | Tiêu cực | |
| 2 DN không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 52% | < | Tiêu cực | 62% | > | Tích cực | |
| 3 % DN sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định của Nhà nước | 25% | < | Tích cực | 25% | < | Tích cực | |
| 4 Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 92% | = | Tích cực | 91% | < | Tiêu cực | |
| 5 Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%) | 74% | > | Tích cực | 74% | > | Tích cực | Sở Nội vụ |
| 6 Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 78% | > | Tích cực | 75% | > | Tích cực | |
| 7 Các cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 77% | > | Tích cực | 81% | > | Tích cực | Cục Thuế tỉnh |
| 8 Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế | 4 | < | Tích cực | 8 | = | Tích cực | |
| 9 Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%) | 17% | > | Tiêu cực | 13% | > | Tiêu cực | Thanh tra tỉnh |
| 10 Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN (%) | 26% | > | Tiêu cực | 19% | > | Tiêu cực | |
| 11 Tỷ lệ DN bị thanh kiểm tra từ 05 cuộc trở lên trong năm (tất cả các cơ quan) | 6% | < | Tích cực | 4% | < | Tích cực | |

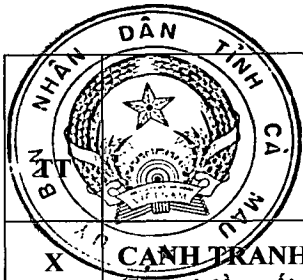


| TT | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|------|---|--------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| VIII | DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP (Đơn vị đầu mối - Sở Công Thương) | 6,3 (43/63) | < | | 6,6 (24/63) | > | | |
| 1 | Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công thương) | 13 | > | Tích cực | 13 | > | Tích cực | Sở Công Thương |
| 2 | Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%) | 63% | > | Tích cực | 42% | < | Tiêu cực | |
| 3 | Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) | 71% | > | Tích cực | 85% | > | Tích cực | |
| 4 | DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%) | 65% | > | Tích cực | 29% | < | Tiêu cực | |
| 5 | Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%) | 60% | < | Tiêu cực | 67% | > | Tích cực | |
| 6 | Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%) | 50% | < | Tiêu cực | 67% | < | Tiêu cực | |
| 7 | Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) | 58% | < | Tiêu cực | 69% | < | Tiêu cực | |
| 8 | Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%) | 31% | < | Tiêu cực | 71% | > | Tích cực | |
| 9 | Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) | 45% | < | Tiêu cực | 30% | < | Tiêu cực | |
| 10 | Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%) | 69% | > | Tích cực | 71% | > | Tích cực | |
| 11 | DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%) | 52% | = | Tích cực | 36% | < | Tiêu cực | |
| 12 | DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%) | 42% | < | Tiêu cực | 90% | > | Tích cực | |



| TT | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|------|---|------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | |
| VIII | DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP (tiếp theo) (Đơn vị đầu mối - Sở Công Thương) | 6,3 (43/63) | < | | 6,6 (24/63) | > | | |
| 13 | Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%) | 63% | < | Tiêu cực | 92% | > | Tích cực | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố và các đơn vị có liên quan |
| 14 | Tỉ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%) | 0,87 | < | Tiêu cực | 0,83% | = | Tích cực | |
| 15 | DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%) | 58% | < | Tiêu cực | 90% | > | Tích cực | |
| 16 | DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính(%) | 52% | < | Tiêu cực | 39% | < | Tiêu cực | |
| 17 | DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%) | 57% | < | Tiêu cực | 75% | > | Tích cực | |
| 18 | DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%) | 86% | > | Tích cực | 50% | < | Tiêu cực | |
| 19 | Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về pháp luật (%) | 50% | = | Tích cực | 41% | < | Tiêu cực | |
| 20 | Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%) | 75% | > | Tích cực | 54% | < | Tiêu cực | |
| 21 | Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%) | 63% | < | Tiêu cực | 59% | < | Tiêu cực | |
| 22 | DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) | 59% | > | Tích cực | 32% | < | Tiêu cực | |
| 23 | Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) | 62% | < | Tiêu cực | 88% | > | Tích cực | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 24 | Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%). | 62% | < | Tiêu cực | 63% | < | Tiêu cực | |

| | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|--|--------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|---|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| IX | TỈNH MINH BẠCH (Đơn vị đầu mối – Văn phòng UBND tỉnh) | 5,81 (56/63) | < | | 6,4 (22/63) | > | | |
| 1 | Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh đối với với quy định pháp luật của Trung ương (% chắc chắn) | 7% | > | Tích cực | 6% | > | Tích cực | Sở Tư pháp |
| 2 | Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: không thể; 5: rất dễ) | 3,0 | < | Tích cực | 3,08 | > | Tích cực | |
| 3 | Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý) | 74% | < | Tiêu cực | 64% | < | Tiêu cực | Văn phòng UNND tỉnh |
| 4 | Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: không thể; 5: rất dễ) | 2,42 | < | Tích cực | 2,36 | < | Tích cực | |
| 5 | Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh | 36 | > | Tích cực | 36 | > | Tích cực | |
| 6 | % DN truy cập vào website của UBND | 61% | < | Tiêu cực | 65% | = | Tích cực | |
| 7 | Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng) | 79% | > | Tiêu cực | 68% | < | Tích cực | |
| 8 | HHDN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh | 36% | < | Tiêu cực | 50% | < | Tiêu cực | Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản |
| 9 | 'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%) | 64% | > | Tiêu cực | 51% | < | Tích cực | Cục Thuế |
| 10 | Thông tin mời thầu được công khai(%) | 57% | > | Tích cực | 73% | > | Tích cực | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố và các đơn vị có liên quan |
| 11 | Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%) | 62% | < | Tiêu cực | 77% | > | Tích cực | |
| 12 | Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị) | 2 | < | Tích cực | 2,5 | < | Tích cực | |



Nội dung chỉ số thành phần

| | Nội dung chỉ số thành phần | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Đơn vị chịu trách nhiệm chính đánh giá |
|----|---|--------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------|----------------------|--|
| | | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| X | CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG (Đơn vị đầu mối - Sở Kế hoạch và Đầu tư) | 6,17 (8/63) | > | | 6,23 (18/63) | > | | |
| 1 | DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN (% Đồng ý) | 7% | < | Tích cực | 10% | < | Tích cực | Cục Thuế tỉnh |
| 2 | DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) | 22% | < | Tích cực | 27% | = | Tích cực | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 3 | DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) | 15% | < | Tích cực | 20% | < | Tích cực | |
| 4 | DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý) | 14% | < | Tích cực | 14% | < | Tích cực | |
| 5 | Việc tinh ưu ái cho DN Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn” (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý) | 33% | < | Tích cực | 36% | > | Tiêu cực | |
| 6 | DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý) | 19% | < | Tích cực | 21% | = | Tích cực | Văn phòng UBND tỉnh |
| 7 | DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý) | 15% | < | Tích cực | 24% | > | Tiêu cực | |
| 8 | DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý) | 34% | < | Tích cực | 42% | < | Tích cực | |
| 9 | Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý) | 49% | < | Tích cực | 57% | > | Tiêu cực | |
| 10 | Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ | 78% | > | Tiêu cực | 70% | = | Tích cực | |
| 11 | Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý) | 33% | < | Tích cực | 29% | < | Tích cực | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 12 | DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý) | 13% | < | Tích cực | 11% | < | Tích cực | |
| 13 | Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% đồng ý) | 23% | < | Tích cực | 14% | < | Tích cực | |
| 14 | DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý) | 29% | = | Tích cực | 21% | < | Tích cực | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cà Mau |

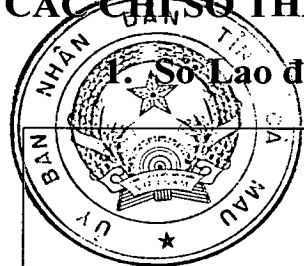
Phụ lục 02

Bảng phân công nhiệm vụ cải thiện các chỉ tiêu của các chỉ số thành phần PCI tỉnh Cà Mau năm 2019
(Kèm theo Kế hoạch số 106 /KH-UBND ngày 14 / 8 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. BẢNG PHÂN CÔNG CÁC ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM CẢI THIỆN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2019

| TT | Đơn vị chịu trách nhiệm chính | Năm 2018 | | Số chỉ tiêu phân công cải thiện năm 2019 |
|----------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|--|
| | | Chỉ tiêu chuyển biến tiêu cực | Chỉ tiêu chuyển biến tích cực | |
| 1 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 8 | 2 | 10 |
| 2 | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan | 10 | 15 | 25 |
| 3 | Văn phòng UBND tỉnh | 8 | 8 | 16 |
| 4 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 7 | 8 | 15 |
| 5 | Tòa án nhân dân tỉnh | 6 | 4 | 10 |
| 6 | Sở Công Thương | 5 | 5 | 10 |
| 7 | Thanh tra tỉnh | 6 | 5 | 11 |
| 8 | Công an tỉnh | 3 | 1 | 4 |
| 9 | Sở Khoa học và Công nghệ | 2 | 1 | 3 |
| 10 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 1 | 11 | 12 |
| 11 | Sở Tư pháp | 0 | 2 | 2 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 0 | 3 | 3 |
| 13 | Các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp | 1 | 0 | 1 |
| 14 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 1 | 0 | 1 |
| 15 | Sở Nội vụ | 0 | 2 | 2 |
| 16 | Sở Thông tin và Truyền thông | 0 | 1 | 1 |
| 17 | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cà Mau | 0 | 1 | 1 |
| 18 | Cục Thi hành án dân sự tỉnh | 1 | 0 | 1 |
| Tổng chỉ tiêu | | 59 | 69 | 128 |

II. BẢNG PHÂN CÔNG CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2019



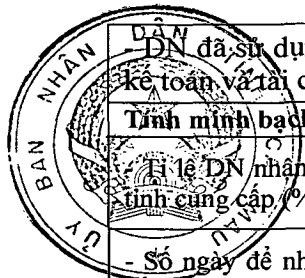
I. Số Lao động - Thương binh và Xã hội (10 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến |
| Đào tạo lao động | | | | | | |
| - Tỷ lệ người lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%) (BLĐTBXH) | 2% | < | Tiêu cực | 3% | < | Tiêu cực |
| - Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động % (BLĐTBXH) | 3% | < | Tiêu cực | 5% | < | Tiêu cực |
| - DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%) | 52% | < | Tiêu cực | 41% | < | Tiêu cực |
| - DN có ý định sẽ sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%) | 31% | < | Tiêu cực | 75% | > | Tích cực |
| - % tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động | 4,42% | > | Tiêu cực | 5,33% | > | Tiêu cực |
| - Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt) | 30% | < | Tiêu cực | 39% | > | Tích cực |
| - Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN) | 86% | < | Tiêu cực | 88% | < | Tiêu cực |
| - % tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động. | 3,87% | < | Tích cực | 5,55% | > | Tiêu cực |
| - Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%) | 47% | < | Tiêu cực | 39% | < | Tiêu cực |
| - DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân (%) | 46% | < | Tiêu cực | 42% | < | Tiêu cực |



2. Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố (25 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| Định năng động | | | | | | | |
| - Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 74% | < | Tích cực | 85% | > | Tiêu cực | |
| - Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 59% | = | Tích cực | 68% | > | Tiêu cực | |
| - Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%) | 73% | > | Tích cực | 69% | > | Tích cực | |
| - DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%) | 89% | < | Tiêu cực | 100% | > | Tích cực | |
| - Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh(%) | 79% | > | Tích cực | 74% | < | Tiêu cực | |
| Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp | | | | | | | |
| - Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%) | 0,87 | < | Tiêu cực | 0,83% | = | Tích cực | |
| - Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%) | 63% | < | Tiêu cực | 92% | > | Tích cực | |
| - DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%) | 58% | < | Tiêu cực | 90% | > | Tích cực | |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%) | 75% | > | Tích cực | 54% | < | Tiêu cực | |
| - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%) | 63% | < | Tiêu cực | 59% | < | Tiêu cực | |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về pháp luật (%) | 50% | = | Tích cực | 41% | < | Tiêu cực | |
| - DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%) | 52% | < | Tiêu cực | 39% | < | Tiêu cực | |
| - DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%) | 57% | < | Tiêu cực | 75% | > | Tích cực | |



| | | | | | | | |
|--|-----|---|----------|-----|---|----------|--|
| - DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%) | 86% | > | Tích cực | 50% | < | Tiêu cực | |
| Tính minh bạch | | | | | | | |
| - Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%) | 62% | < | Tiêu cực | 77% | > | Tích cực | |
| - Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị) | 2 | < | Tích cực | 2,5 | < | Tích cực | |
| - Thông tin mời thầu được công khai (%) | 57% | > | Tích cực | 73% | > | Tích cực | |
| Chi phí không chính thức | | | | | | | |
| - Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý) | 52% | < | Tích cực | 38% | < | Tích cực | |

| | | | | | | | |
|---|-----|---|----------|-----|---|----------|--|
| Chi phí thời gian thực hiện các quy định nhà nước | | | | | | | |
| - Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%) | 74% | > | Tích cực | 74% | > | Tích cực | |
| - Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 92% | = | Tích cực | 91% | < | Tiêu cực | |
| - Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 52% | = | Tích cực | 54% | < | Tiêu cực | |
| - DN không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 52% | < | Tiêu cực | 62% | > | Tích cực | |
| - % DN sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước. | 25% | < | Tích cực | 25% | < | Tích cực | |
| Chi phí gia nhập thị trường | | | | | | | |
| - % DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động | 10% | < | Tích cực | 13% | < | Tích cực | |
| - % DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động | 7% | > | Tiêu cực | 3% | = | Tích cực | |



Đảng và Ủy ban nhân dân tỉnh (16 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| Tính năng động | | | | | | | |
| - Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực). | 35% | < | Tiêu cực | 34% | < | Tiêu cực | |
| - UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 65% | < | Tiêu cực | 76% | = | Tích cực | |
| - UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 64% | > | Tích cực | 59% | < | Tiêu cực | |
| - Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn) | 37% | > | Tiêu cực | 42% | > | Tiêu cực | |
| Cạnh tranh bình đẳng | | | | | | | |
| - Việc tính ưu ái cho DN Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn” (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý) | 33% | < | Tích cực | 36% | > | Tiêu cực | |
| - Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ | 78% | > | Tiêu cực | 70% | = | Tích cực | |
| - DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý) | 15% | < | Tích cực | 24% | > | Tiêu cực | |
| - DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý) | 34% | < | Tích cực | 42% | < | Tích cực | |
| - Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân DN (% đồng ý) | 49% | < | Tích cực | 57% | > | Tiêu cực | |
| - DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý) | 19% | < | Tích cực | 21% | = | Tích cực | |
| Tính minh bạch | | | | | | | |
| - Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý) | 74% | < | Tiêu cực | 64% | < | Tiêu cực | |
| - Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: không thể; 5: rất dễ) | 2,42 | < | Tích cực | 2,36 | < | Tích cực | |
| - Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng) | 79% | > | Tiêu cực | 68% | < | Tích cực | |
| - % DN truy cập vào website của UBND | 61% | < | Tiêu cực | 65% | = | Tích cực | |
| - Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh | 36 | > | Tích cực | 36 | > | Tích cực | |
| Thiết chế pháp lý | | | | | | | |
| Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng (% đồng ý) | 75% | > | Tích cực | 64% | < | Tiêu cực | |

4- Sở Tài nguyên và Môi trường (15 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | |
| - DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) | 22% | < | Tích cực | 27% | = | Tích cực | |
| - DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) | 15% | < | Tích cực | 20% | < | Tích cực | |
| - DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý) | 14% | < | Tích cực | 14% | < | Tích cực | |
| Tiếp cận đất đai | | | | | | | |
| - % DN có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao, có thu tiền sử dụng đất hoặc DN nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. | 62% | > | Tích cực | 49% | > | Tích cực | |
| - Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý). | 78% | = | Tích cực | 82% | > | Tích cực | |
| - % DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục. | 19% | < | Tiêu cực | 21% | < | Tiêu cực | |
| - Không có GCNQSDĐ do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu. | 17% | > | Tiêu cực | 8% | < | Tích cực | |
| - DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp) | 1,47 | < | Tiêu cực | 1,58 | < | Tiêu cực | |
| - Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên) | 31% | > | Tích cực | 25% | < | Tiêu cực | |
| - DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý) | 24% | < | Tiêu cực | 40% | < | Tiêu cực | |
| - Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%) | 28% | < | Tích cực | 44% | > | Tiêu cực | |
| - Giải phóng mặt bằng chậm (%) | 23% | > | Tiêu cực | 22% | > | Tiêu cực | |
| - Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%) | 17% | > | Tiêu cực | 22% | > | Tiêu cực | |
| - Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày) | 15 | < | Tích cực | 30 | = | Tích cực | |
| Chi phí không chính thức | | | | | | | |
| - Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%) | 31% | < | Tích cực | 26% | < | Tích cực | |



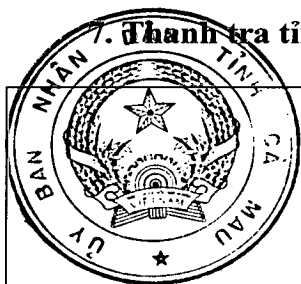
Tòa án nhân dân tỉnh (10 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| Thiết chế pháp lý | | | | | | | |
| - Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC) | 66% | < | Tiêu cực | 67% | > | Tích cực | |
| - Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý) | 83% | < | Tiêu cực | 80% | < | Tiêu cực | |
| - Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 84% | < | Tiêu cực | 84% | < | Tiêu cực | |
| - Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 64% | < | Tiêu cực | 59% | < | Tiêu cực | |
| - Phán quyết của toà án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý). | 84% | > | Tích cực | 79% | < | Tiêu cực | |
| - Doanh nghiệp sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (%) | 45% | > | Tích cực | 46% | > | Tích cực | |
| - Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 81% | > | Tích cực | 71% | < | Tiêu cực | |
| - Tỷ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh không thuộc nhà nước trên tổng nguyên đơn tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh | 100% | > | Tích cực | 88% | > | Tích cực | |
| - Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. (TATC) | 1,16 | > | Tiêu cực | 1,4 | < | Tích cực | |
| Chi phí không chính thức | | | | | | | |
| - DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%) | 18% | < | Tích cực | 36% | > | Tiêu cực | |



Số Chỉ Tiêu (10 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp | | | | | | |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) | 45% | < | Tiêu cực | 30% | < | Tiêu cực |
| - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%) | 69% | > | Tích cực | 71% | > | Tích cực |
| - Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay (Bộ Công thương) | 13 | > | Tích cực | 13 | > | Tích cực |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%) | 63% | > | Tích cực | 42% | < | Tiêu cực |
| - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) | 71% | > | Tích cực | 85% | > | Tích cực |
| - DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%) | 65% | > | Tích cực | 29% | < | Tiêu cực |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%) | 60% | < | Tiêu cực | 67% | > | Tích cực |
| - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%) | 50% | < | Tiêu cực | 67% | < | Tiêu cực |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) | 58% | < | Tiêu cực | 69% | < | Tiêu cực |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%) | 31% | < | Tiêu cực | 71% | > | Tích cực |



7. Thanh tra tỉnh (11 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| Chi phí không chính thức | | | | | | | |
| - % DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức | 7% | < | Tích cực | 11% | > | Tiêu cực | |
| - Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý) | 60% | < | Tích cực | 63% | > | Tiêu cực | |
| - Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (%thường xuyên hoặc luôn luôn) | 55% | < | Tiêu cực | 56% | < | Tiêu cực | |
| - % DN cho rằng các DN cùng ngành thường trả chi phí không chính thức (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 54% | < | Tích cực | 54% | < | Tích cực | |
| - Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý) | 85% | > | Tích cực | 79% | < | Tiêu cực | |
| - Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%) | 36% | < | Tích cực | 29% | < | Tích cực | |
| Thiết chế pháp lý | | | | | | | |
| - Hệ thống tư pháp cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% luôn luôn hoặc thường xuyên) | 33% | > | Tích cực | 34% | > | Tích cực | |
| - Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%) | 33% | < | Tiêu cực | 37% | > | Tích cực | |
| Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước | | | | | | | |
| - Tỷ lệ DN bị thanh kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm | 6% | < | Tích cực | 4% | < | Tích cực | |
| - Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%) | 17% | > | Tiêu cực | 13% | > | Tiêu cực | |
| - Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%) | 26% | > | Tiêu cực | 19% | > | Tiêu cực | |



8. Công an tỉnh (4 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | |
| Thiết chế pháp lý | | | | | | | |
| - Phải trả tiền 'bào kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%) | 1% | < | Tích cực | 0% | < | Tích cực | |
| - Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%) | 44% | < | Tiêu cực | 46% | < | Tiêu cực | |
| - Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%) | 27% | > | Tiêu cực | 25% | > | Tiêu cực | |
| - CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%) | 63% | < | Tiêu cực | 59% | < | Tiêu cực | |

9. Sở Khoa học và Công nghệ (3 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp | | | | | | |
| - DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) | 59% | > | Tích cực | 32% | < | Tiêu cực |
| - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) | 62% | < | Tiêu cực | 88% | > | Tích cực |
| - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%). | 62% | < | Tiêu cực | 63% | < | Tiêu cực |



10. Sơ Kế hoạch và Đầu tư (12 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|---------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | |
| Cạnh tranh bình đẳng | | | | | | | |
| - Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% đồng ý) | 23% | < | Tích cực | 14% | < | Tích cực | |
| - Tinh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý) | 33% | < | Tích cực | 29% | < | Tích cực | |
| - DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý) | 13% | < | Tích cực | 11% | < | Tích cực | |
| Chi phí gia nhập thị trường | | | | | | | |
| - Thời gian đăng ký doanh nghiệp (ngày) | 7 | > | Tiêu cực | 5 | = | Tích cực | |
| - Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (ngày) | 3 | < | Tích cực | 4,5 | = | Tích cực | |
| - Tỷ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%)) | 22% | > | Tích cực | 19% | > | Tích cực | |
| - Về ĐKDN, thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý) | 71% | < | Tiêu cực | 92% | > | Tích cực | |
| - Về ĐKDN, cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý) | 76% | > | Tích cực | 76% | > | Tích cực | |
| - Về ĐKDN, hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý) | 94% | > | Tích cực | 89% | > | Tích cực | |
| - Về ĐKDN, cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý) | 83% | > | Tích cực | 89% | > | Tích cực | |
| Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp | | | | | | | |
| - DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%) | 52% | = | Tích cực | 36% | < | Tiêu cực | |
| - DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%) | 42% | < | Tiêu cực | 90% | > | Tích cực | |



11. Sở Tư Pháp (2 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | | Ghi chú |
|---|----------|--------------------------------|---------------------|----------|--------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyên môn | |
| Tính minh bạch | | | | | | | |
| - Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh đối với quy định pháp luật của Trung ương (%luôn luôn hoặc thường xuyên) | 7% | > | Tích cực | 6% | > | Tích cực | |
| - Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: không thể; 5: rất dễ) | 3,0 | < | Tích cực | 3,08 | > | Tích cực | Thay đổi thang đo so với năm 2017 |

12. Cục Thuế tỉnh (3 chỉ tiêu)



Nhóm chỉ tiêu được giao

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|---|----------|---------------------------|----------------------|----------|---------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến |
| Tính minh bạch | | | | | | |
| ‘Thỏa thuận’ khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%) | 64% | > | Tiêu cực | 51% | < | Tích cực |
| Cạnh tranh bình đẳng | | | | | | |
| DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý) | 7% | < | Tích cực | 10% | < | Tích cực |
| Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước | | | | | | |
| - Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế | 4 | < | Tích cực | 8 | = | Tích cực |

13. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản (1 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|--|--------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|
| | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến | Điểm số (Xếp hạng) | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyên biến |
| Tính minh bạch | | | | | | |
| HHDN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh | 36% | < | Tiêu cực | 50% | < | Tiêu cực |



14. Sở Giáo dục và đào tạo (1 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Đào tạo lao động | | | | | | |
| - Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt) | 57% | < | Tiêu cực | 59% | > | Tích cực |

15. Sở Nội vụ (2 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước | | | | | | |
| - Các cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 77% | > | Tích cực | 81% | > | Tích cực |
| - Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý) | 78% | > | Tích cực | 75% | > | Tích cực |

16. Sở Thông tin và Truyền thông (1 chỉ tiêu)



| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|---|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Chi phí gia nhập thị trường | | | | | | |
| - Ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa tốt (% đồng ý) | 60% | = | Tích cực | 59% | > | Tích cực |

17. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau (1 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|--|----------|---------------------------|----------------------|----------|---------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Cạnh tranh bình đẳng | | | | | | |
| - DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý) | 29% | = | Tích cực | 21% | < | Tích cực |

18. Cục Thi hành án dân sự tỉnh (1 chỉ tiêu)

| Nhóm chỉ tiêu được giao | Năm 2017 | | | Năm 2018 | | |
|--|----------|--------------------------------|----------------------|----------|--------------------------------|----------------------|
| | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến | Điểm số | So với điểm trung bình cả nước | Đánh giá chuyển biến |
| Thiết chế pháp lý | | | | | | |
| Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) | 68% | = | Tích cực | 63% | < | Tiêu cực |